

Số: **2183** /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **27** tháng **6** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và
Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 của Công ty TNHH
Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh
doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về
đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại
doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về
thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của Ủy ban nhân
dân thành phố về việc phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế
hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH Một
thành viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 27/TTr-KHĐT
ngày 03/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát
triển năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi
An Hải, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, linh hoạt, bảo đảm cấp, thoát
nước cho dân sinh, các thành phần kinh tế, góp phần phục vụ phát triển kinh
tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, lợi ích quốc gia, quốc
phòng, an ninh.

- Xác định nhiệm vụ tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước thô, công nghiệp và dân sinh là nhiệm vụ chính trị của Công ty. Bên cạnh đó từng bước đa dạng hóa ngành, nghề kinh doanh liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính; bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tăng thu ngân sách, góp phần vào sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, ứng phó với trường hợp bất lợi nhất, nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, phòng chống lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển thượng nguồn các lưu vực sông; góp phần xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch hệ thống tưới tiêu, vùng tưới chuyên canh phù hợp với định hướng phát triển chung của huyện và từng địa phương.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước và công trình, đặc biệt là công tác chống lấn chiếm công trình và chống ô nhiễm nguồn nước.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các công trình, thay thế máy móc thiết bị xuống cấp, đẩy mạnh chương trình kiên cố hoá kênh tưới cấp I sau trạm bơm nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ công trình, đảm bảo an toàn cho sản xuất và giảm thiểu những thiệt hại do thời tiết gây ra;

- Tìm kiếm việc làm nhằm cải thiện đời sống cho người lao động, đặc biệt tìm hướng phát triển mới trong lĩnh vực xây dựng cơ bản trên cơ sở phát huy khả năng nội lực của Công ty.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu:		
1.1	Diện tích tưới tiêu	ha	9.962,12
1.2	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị	ha	6.304,29
1.3	Cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp	m ³	70.479.060
1.4	Tiêu thoát nước khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao	ha	1.200
2	Tổng doanh thu:	Triệu đồng	126.000
2.1	<i>Dịch vụ công ích thủy lợi</i>	Triệu đồng	11.637
2.2	<i>Dịch vụ thủy lợi khác</i>	Triệu đồng	63.876

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024
2.3	Hoạt động xây dựng cơ bản, doanh thu khác	Triệu đồng	50.487
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.200
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	2.470
5	Số lao động	Người	197
6	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Triệu đồng	9,8

b) Kế hoạch đầu tư phát triển

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung đầu tư	Kinh phí dự kiến	Nguồn
1	Công trình duy tu, sửa chữa	4.950	Ngân sách cấp hỗ trợ bảo trì, sửa chữa tài sản cố định
		36.100	Nguồn thu dịch vụ thủy lợi của Công ty
2	Công trình cải tạo, nâng cấp	5.650	Nguồn hợp pháp khác của Công ty (Nguồn khấu hao TSCĐ: 5.472 triệu đồng; Nguồn kết dư bổ sung vốn điều lệ: 178 triệu đồng)
	Tổng (1+2)	46.700	

(Chi tiết danh mục sửa chữa các công trình thủy lợi tại Phụ lục kèm theo)

Công ty thực hiện việc đầu tư theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; Công ty bù đắp phần kinh phí còn thiếu (nếu có) sau khi quyết toán từ nguồn hợp pháp khác đối với các công trình sử dụng nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa tài sản cố định.

3. Các giải pháp chủ yếu**3.1. Giải pháp về tài chính****a) Hoạt động dịch vụ công ích**

- Thực hiện đơn giá dịch vụ công ích do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đối với sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác; các hợp đồng tưới tiêu dịch vụ thủy lợi, hợp đồng cung cấp nước thô để xây dựng kế hoạch thu.

- Công tác chi hoạt động dịch vụ thủy lợi thực hiện theo định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với các khoản mục chi phí tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP

ngày 30/06/2018 và các thông tư hướng dẫn; Quyết định số 1890/2012/UBND/QĐ-UB ngày 13/7/2012 của Ủy ban nhân thành phố ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho công tác quản lý khai thác các công trình thủy lợi. Cân đối nguồn vốn đảm bảo cho thực hiện nhiệm vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và cấp nước thô, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách về các khoản thuế, phí, lệ phí và đảm bảo các chế độ chính sách đối với người lao động.

- Nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển. Tích cực khai thác các nguồn vốn trung ương và thành phố cùng với nguồn nước thô thực hiện các kế hoạch sửa chữa, nâng cấp công trình.

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tích cực mở rộng sản xuất kinh doanh, thường xuyên phân tích và đánh giá hiệu quả, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, điều chỉnh kịp thời việc đầu tư kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế, tăng cường công tác hạch toán và quản lý chặt chẽ các chi phí, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả và tích lũy vốn để phát triển.

- Huy động vốn góp của cán bộ, công nhân lao động; vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

c) Giải pháp tài chính

- Quản lý các khoản mục thu chi tài chính theo các quy định của pháp luật về công tác tài chính, kế toán tại Quy chế tài chính đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định pháp luật hiện hành đảm bảo thực hành tiết kiệm chi phí tăng lợi nhuận và quỹ tại đơn vị.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ trên cơ sở Quy chế tài chính của Công ty đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Thực hiện tốt các quy định trong quản lý tài chính, các chi phí trong kế hoạch thu-chi tài chính đảm bảo chi tiêu đúng mục đích, đúng chế độ chính sách của nhà nước, tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp, đảm bảo hoạt động có lợi nhuận và tích lũy vốn để phát triển.

- Thực hiện công khai, minh bạch trong đầu tư, quản lý tài chính, mua sắm, phân phối thu nhập; việc ký kết và thực hiện các hợp đồng với những đơn vị cung cấp đảm bảo theo quy định của pháp luật.

3.2. Giải pháp về sản xuất

a) Hoạt động dịch vụ công ích

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị vận hành tốt, chủ động nguồn nước, phối hợp với các hộ dùng nước đảm bảo yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh. ✓

- Lập kế hoạch và triển khai công tác phòng chống thiên tai, công tác thường trực, bảo vệ công trình, công tác chuẩn bị vật tư, công tác phối kết hợp với các lực lượng ứng cứu, công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ công trình.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra đánh giá hiện trạng và sửa chữa các công trình theo kế hoạch sửa chữa thường xuyên, đột xuất để bảo đảm hệ thống công trình hoạt động an toàn như: Nạo vét các cửa cống lấy nước, nạo vét, khơi thông dòng chảy hệ thống kênh mương và bể hút của trạm bơm để nâng cao hiệu quả phục vụ; đồng thời bảo dưỡng các cống dưới đê... Chủ động về nguồn nước, đặc biệt vào mùa khô, phối hợp cùng địa phương thống nhất lịch bơm nước để sử dụng tiết kiệm nước. Phòng chống nhiễm mặn đột xuất và các biện pháp về bảo vệ nguồn nước thô.

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ công trình, bảo vệ nguồn nước, đặc biệt công tác chống lấn chiếm công trình, chống ô nhiễm nguồn nước; Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm Luật Thủy lợi. Kết hợp với chính quyền địa phương lập biên bản, có giải pháp cương quyết đình chỉ, xử lý theo đúng pháp luật, ngăn chặn không để ảnh hưởng lớn tới nguồn nước và công trình.

- Tập trung khai thác các sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác để tăng doanh thu, tiếp tục mở rộng khách hàng với các sản phẩm đã có giá sản phẩm dịch vụ và thực hiện ký hợp đồng với các đơn vị mới sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành giá cụ thể.

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong hoạt động xây dựng cơ bản, tiếp tục đầu tư trang thiết bị, từng bước nâng cao năng lực thi công, thực hiện các biện pháp thi công khoa học, thực hiện liên danh, liên kết để nâng cao năng lực và kinh nghiệm nhà thầu, chủ động tìm các công trình mới.

- Tăng cường kiểm tra chất lượng, tiến độ và công tác hồ sơ đảm bảo yêu cầu xây dựng cơ bản. Nâng cao chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật thi công công trình, hạn chế thất thoát lãng phí.

- Tận dụng các điều kiện cơ sở vật chất, năng lực để thực hiện các ngành nghề kinh doanh khác mà Công ty có lợi thế, trong đó tập trung vào khai thác hoạt động đấu thầu, nhận thầu thi công, xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, xây dựng dân dụng trên địa bàn huyện An Dương và thành phố.

c) Thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển.

- Chủ động nắm bắt, đánh giá tình hình triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn để nâng cao chất lượng các công trình, hiệu quả đầu tư, quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư tiết kiệm, hiệu quả. Tăng cường tổ chức kiểm tra,

giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư; đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư phù hợp với mục tiêu và khả năng cân đối của từng nguồn vốn.

- Thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, giám sát độc lập, quy trách nhiệm cá nhân trong từng khâu của quá trình thực hiện dự án. Thường xuyên có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn về mặt nhân sự và trang thiết bị cho đơn vị Ban quản lý dự án có đủ năng lực quản lý thực hiện các dự án

3.3. Giải pháp về marketing

- Tiếp tục tham gia và mở rộng đầu tư; tăng cường trách nhiệm trong công tác khai thác cung cấp nguồn nước thô cho sản xuất nước sinh hoạt.

- Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch với khách hàng, ký kết hợp đồng với khách hàng các lĩnh vực mà Công ty có lợi thế.

- Sử dụng hiệu quả trang thông tin điện tử của Công ty để tìm kiếm cũng như giới thiệu về ngành nghề truyền thống và ngành nghề Công ty đang phát triển để thu hút, tìm kiếm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

3.4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực đảm bảo các yêu cầu về năng lực đối với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật thủy lợi.

- Tổ chức bộ máy và điều động nhân lực phù hợp với yêu cầu của từng bộ phận phù hợp với định mức lao động nhằm đáp ứng hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tăng cường đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật và nâng cao tay nghề cho công nhân vận hành.

- Làm tốt công tác quy hoạch, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ để chọn người có đức, có tài, có trình độ, năng lực công tác, có tinh thần, trách nhiệm cao trong công việc.

- Tuyển dụng lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng cán bộ kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Tổ chức cho cán bộ quản lý của công ty tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, tập huấn nghiệp vụ...

3.5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật, tham gia quy trình vận hành công trình, quy trình điều tiết nước, vận hành hệ thống thủy lợi. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, lắp đặt hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước vào quản lý và khai thác công trình thủy lợi. Đổi mới trang thiết bị vận hành công trình cũ đã lạc hậu, phấn đấu 100% máy bơm trực đứng được vận hành vào năm 2025 để nâng cao hiệu quả phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị thi công, áp dụng tin học vào quản lý điều hành trong công tác xây dựng cơ bản nhằm chủ động thực hiện nhiệm vụ.

- Tiếp tục phát triển trên nền các ứng dụng Google Earth pro, Google Maps để xây dựng bộ bản đồ trực tuyến. Bản đồ số hệ thống giúp giảm khối lượng hồ sơ bản đồ, giấy tờ, nhanh chóng thuận tiện trong tra cứu vị trí, thông tin, tích hợp nhiều loại thông tin phục vụ công tác quản lý từ tổng quan đến chi tiết.

3.6. Giải pháp về quản lý và điều hành

- Phát huy và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp có hiệu quả của các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh... của Công ty trong công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và quản lý bảo vệ các công trình thủy lợi.

- Đẩy mạnh công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra thường xuyên và đột xuất trong mọi hoạt động nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, công nhân lao động trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi. Đồng thời, hàng năm bố trí kinh phí thực hiện đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực của các cán bộ tham gia quản lý khai thác công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu quản lý.

- Tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của Viện Khoa học thủy lợi, tổ chức ADCA Nhật Bản lắp đặt các thiết bị quan trắc tự động tại các cống chính và từng bước áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý, vận hành công trình bằng điều khiển từ xa.

- Triển khai nhân rộng mô hình trạm quan trắc tự động kiểm tra giám sát mực nước, chất lượng nước trên toàn hệ thống sau khi hoàn thành Dự án JAIF của tổ chức ADCA, các thiết bị đi vào hoạt động ổn định.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị và triển khai thành lập Ban chỉ đạo, bộ phận chuyên môn đảm nhiệm các nhiệm vụ trong công tác chuyển đổi số.

- Lắp đặt camera tại tất cả các trạm bơm, cống, đập để thực hiện nhiệm vụ công tác quản lý, bảo vệ, vận hành công trình và quản lý người lao động.

- Thực hiện rà soát xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Giải pháp về bảo vệ công trình thủy lợi

- Xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ các tuyến kênh trục chính.

- Thực hiện nghiêm quy định của Luật Thủy lợi, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố, Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 về việc ban hành quy chế phối hợp xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi và đề điều trên địa bàn thành phố, Chỉ thị số 9

03/CT-UBND ngày 24/02/2023 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền có liên quan đến quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đến cán bộ, công nhân lao động và cộng đồng dân cư, đặc biệt là đối với người trực tiếp được giao nhiệm vụ quản lý vận hành công trình.

b) Giải pháp về quản lý và khai thác công trình thủy lợi

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đặt hàng cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Thực hiện quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi trong việc giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo hướng thực hiện đa mục tiêu và phát triển bền vững.

- Xây dựng và thực hiện tốt phương án phòng chống hạn, xâm nhập mặn vụ đông - xuân; phương án phòng, chống lụt bão cho toàn hệ thống, từng khu vực và từng công trình trọng điểm.

- Tập trung bảo vệ nguồn nước ngọt bằng giải pháp hạ cao trình đáy và đắp bờ để tăng khả năng trữ nước trên hệ thống.

- Tiếp tục phối hợp với Công ty thủy lợi Hải Dương trong điều tiết nguồn nước trên hệ thống.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 theo đúng quy định, đảm bảo hoàn thành kế hoạch.

- Sắp xếp thứ tự ưu tiên các hạng mục công trình sửa chữa để thực hiện, đảm bảo phù hợp với nguồn vốn được bố trí.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải thực hiện việc sửa chữa các công trình thuộc kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty.

3. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện: Hải An, An Dương; các Sở, ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch

sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải; kịp thời xử lý những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện; đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện: Hải An, An Dương; Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải, Thủ trưởng các ngành liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND TP;
- CPVP, các PCVP;
- Phòng: NN&MT, TCNS, NCKTGS;
- Lưu: VT, TL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ

Phụ lục: Danh mục đầu tư công trình năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải
(Kèm theo Quyết định số: 2183/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm	Nội dung công việc	Khối lượng (m)	Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		Kinh phí dự kiến
					Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	
I	Sửa chữa công trình (nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa TSCĐ)								4.950
1	Kênh An Kim Hải nhánh 1	Huyện An Dương	Nạo vét, đắp bờ phải kênh An Kim Hải nhánh 1:	L = 1.300m					1.600
		Xã Lê Thiện, huyện An Dương	Đoạn 1: từ Cầu Bồng đến đoạn đã thi công năm 2022	L = 800m	20°55'4.07"N	106°32'24.50"E	20°54'50.81"N	106°32'38.35"E	
		Xã Bắc Sơn, huyện An Dương	Đoạn 2: từ cầu KCN An Dương đến Cầu Rế 2	L = 500m	20°52'22.16"N	106°34'46.62"E	20°52'4.66"N	106°34'45.54"E	
2	Nạo vét, đắp bờ, vớt bèo kênh An Kim Hải nhánh 1 và kênh Hòa Phong	Huyện An Dương		L = 1.400m					1.850
		Xã Lê Lợi, huyện An Dương	Nạo vét, đắp bờ phải kênh An Kim Hải nhánh 1 đoạn từ qua hạ lưu cầu Hà Liên 350m đến đường Nguyễn Trường Tộ	L = 500m	20°52'0.20"N	106°34'57.10"E	20°52'3.49"N	106°35'13.21"E	
		Xã An Hoà, huyện An Dương	Nạo vét, đắp bờ, vớt bèo kênh Hòa Phong đoạn từ cách thượng lưu kênh Nguyễn Văn Bé 280m đến cống T3	L=900m	20°54'48.22"N	106°32'4.68"E	20°55'3.99"N	106°32'24.36"E	
3	Nạo vét, khơi thông dòng chảy, xử lý các	Huyện An Dương		L = 5.910					1.500

TT	Tên công trình	Địa điểm	Nội dung công việc	Khối lượng (m)	Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		Kinh phí dự kiến
					Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	
	điểm ách tắc, nông đầy kênh Đại Hưng, kênh Tân Hưng Hồng nhánh 2 và kênh tưới trạm bơm Đồng Thanh	Xã An Hưng; Đại Bản, huyện An Dương	Nạo vét, khơi thông dòng chảy, xử lý các điểm ách tắc, nông đầy kênh Đại Hưng	L = 2.500m	20°55'31.09"N	106°34'46.32"E	20°54'54.91"N	106°34'55.04"E	
		Xã An Hồng, An Hưng, huyện An Dương	Nạo vét, khơi thông dòng chảy, xử lý các điểm ách tắc, nông đầy kênh Tân Hưng Hồng nhánh 2	L = 1.950m	20°54'23.75"N	106°35'47.01"E	20°54'12.77"N	106°35'23.60"E	
		Xã An Hưng, huyện An Dương	Nạo vét, khơi thông dòng chảy, xử lý các điểm ách tắc, nông đầy kênh tưới TB Đồng Thanh	L = 1.460m	20°54'36.13"N	106°34'56,77"E	20°54'23.81"N	106°35'22.79"E	
									36.100
II	Sửa chữa công trình (nguồn dịch vụ thủy lợi)								
1	Kênh An Kim Hải nhánh 2	Huyện An Dương	Nạo vét, đắp bờ kênh An Kim Hải nhánh 2:	L = 2.100m					1.524
		Xã Đặng Cương, huyện An Dương	Nạo vét, đắp bờ kênh đoạn từ TB Đặng Cương đến đường Nguyễn Trường Tộ	L=500m	20°50'44.05"N	106°36'39.43"E	20°50'45.26"N	106°36'56.06"E	
		Xã Đồng Thái, huyện An Dương	Nạo vét lòng kênh đoạn từ đập Bạch Mai đến đường Nguyễn Văn Linh	L=1.600m	20°51'2.77"N	106°38'14.43"E	20°51'0.81"N	106°39'10.36"E	
2	Kênh tưới sau trạm bơm An Hoà	Huyện An Dương	Dọn cỏ, nạo vét, đắp bờ kênh sau trạm bơm An Hoà:	L = 1.845m					1.402

TT	Tên công trình	Địa điểm	Nội dung công việc	Khối lượng (m)	Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		Kinh phí dự kiến
					Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	
		Xã An Hoà, huyện An Dương	Dọn cỏ, nạo vét đắp bờ kênh đoạn tiếp giáp từ kênh cứng đến kênh Hòa Phong	L = 1.370m	20°54'24.23"N	106°32'34.17"E	20°54'58.12"N	106°32'6.31"E	
		Xã An Hoà, huyện An Dương	Nạo vét, đắp bờ đoạn từ đường bê tông đến kênh An Kim Hải nhánh 1	L _{NV} = 475m	20°54'5.19"N	106°33'43.54"E	20°54'18.25"N	106°33'52.09"E	
3	Kênh tưới sau trạm bơm Đại Bản	Xã Đại Bản, huyện An Dương	Sửa chữa kênh cấp I cách khu dân cư 100m	L = 200m	20°55'23.24"N	106°34'25.73"E	20°55'23.82"N	106°34'32.61"E	833
4	Kênh tiêu Hoàng Lâu nhánh 1	Xã Hồng Phong, huyện An Dương	Nạo vét kênh đoạn từ cổng làng Hoàng Lâu đến giáp với kè đá xây	L = 800m	20°52'31.46"N	106°34'0.01"E	20°52'6.39"N	106°33'58.16"E	476
5	Kênh tưới trạm bơm Bắc Hà	Xã Bắc Sơn, huyện An Dương	Nạo vét kênh xây cấp I đoạn qua cổng doanh trại quân đội	L=420m	20°52'58.36"N	106°35'36.44"E	20°52'53.05"N	106°35'23.30"E	114
6	Kênh tưới sau trạm bơm Thuần Ty	Xã An Hồng, huyện An Dương	Dọn cỏ, nạo vét kênh cấp I trạm bơm đoạn từ bề xả trạm bơm đến đường Hai Bà Trưng	L = 400m	20°54'31.40"N	106°36'5.31"E	20°54'45.19"N	106°36'3.44"E	95
7	Kênh hút trạm bơm Hồng Tuấn	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	Nạo vét, đắp bờ, làm hàng rào chắn bèo, rác	L=380m	20°50'2.60"N	106°36'44.36"E	20°50'14.35"N	106°36'40.03"E	457
8	Kênh hút trạm bơm Lê Thiện	Xã Lê Thiện, huyện An Dương	Sửa chữa mái kè kênh; Nạo vét kênh hút từ trạm bơm đến cầu qua kênh	L = 180m	20°54'33.73"N	106°33'31.60"E	20°54'30.58"N	106°33'30.85"E	143

TT	Tên công trình	Địa điểm	Nội dung công việc	Khối lượng (m)	Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		Kinh phí dự kiến
					Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	
9	Kênh An Kim Hải nhánh 1	Xã Tân Tiến, huyện An Dương	Sửa chữa cống ống buy D1000 trên bờ trái cách cống đầu kênh Tân Hưng Hồng 170m về phía thượng lưu				20°52'40.57"N	106°34'43.39"E	278
10	Kênh sau cống Văn Xá	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	Nạo vét, đắp bờ đoạn từ cụm điều tiết sau cống Kiều Thượng đến bờ kênh sau cống Nhu Kiều	L = 407m	20°50'18.08"N	106°35'17.46"E	20°50'30.29"N	106°35'12.05"E	381
11	Kênh sau cống Kiều Thượng	X.Quốc Tuấn, H.An Dương	Nạo vét, đắp bờ, gia cố bờ kênh đoạn từ mái kè cụm điều tiết đến đường trục xã	L = 870m	20°50'18.88"N	106°35'18.83"E	20°50'37.57"N	106°35'41.44"E	762
12	Kênh sau cống Đàm Quan	X.Hồng Thái, H.An Dương	Sửa chữa mái kè, nạo vét, đắp bờ đoạn từ cống đến trạm bơm Đào Yêu	L = 300m	20°49'17.83"N	106°36'36.19"E	20°49'26.84"N	106°36'40.18"E	381
13	Kênh tưới sau trạm bơm Hà Nhuận	X.An Hoà, H.An Dương	Sửa chữa kênh tưới nhánh về trại mới từ đường bê tông vào chùa Nội đến kênh bê tông	L = 260m	20°54'17.12"N	106°32'15.79"E	20°54'23.22"N	106°32'11.08"E	1.019
14	Cống Kiều Hạ 1	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	Sửa chữa mái kè	L=30m			20°49'26.63"N	106°35'42.69"E	93
15	Văn phòng Công ty	Phường Sở Dầu; quận Hồng Bàng	Sửa cống, tường bao phía trước trụ sở				20°51'37.65"N	106°39'0.08"E	463
			Sửa chữa nền nhà						463
			Sửa chữa sân, nhà bảo vệ						463
			Sửa chữa phòng Kỹ thuật, phòng văn thư và thay cửa trụ sở văn phòng bị hỏng						463

TT	Tên công trình	Địa điểm	Nội dung công việc	Khối lượng (m)	Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		Kinh phí dự kiến
					Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	
16	Văn phòng Trạm TN đường 203	Xã Lê Lợi, huyện An Dương	Sửa chữa khu nhà vệ sinh và chống nóng				20°51'41.37"N	106°35'1.17"E	352
17	Trạm bơm An Hòa	Xã An Hoà, huyện An Dương	Sửa lỗi đi vào trạm bơm từ đường bê tông vào trạm bơm	L = 200m	20°54'18.11"N	106°33'31.62"E	20°54'23.25"N	106°33'30.62"E	231
18	Kênh hút trạm bơm Đại Bản	Xã Đại Bản, huyện An Dương	Dọn cỏ, nạo vét kênh hút	L = 650m	20°55'31.31"N	106°34'0.93"E	20°55'52.22"N	106°33'58.09"E	190
19	Kênh An Kim Hải nhánh 2	Xã Lê Lợi, huyện An Dương	Sửa chữa mái kè bờ trái hạ lưu cầu thôn 5 Lê Lợi	L=40m	20°51'43.61"N	106°35'10.77"E	20°51'43.58"N	106°35'12.16"E	463
20	Trạm bơm Đồng Ngò	Xã Tân Tiến, huyện An Dương	Sửa chữa khuôn viên				20°53'22.99"N	106°34'52.99"E	93
21	Trạm bơm Do Nha Tân Tiến (Do Nha mới)	Xã Tân Tiến, huyện An Dương	Dọn cỏ hai bên bờ kênh và bùn rác trong lòng kênh tưới trạm bơm từ bề xả đến lối rẽ vào thôn Do Nha	L = 730m	20°53'26.01"N	106°34'57.98"E	20°53'15.76"N	106°35'19.76"E	93
22	Trạm bơm Hồ Đông	Xã Hồng Phong, huyện An Dương	Sửa cống và hàng rào bảo vệ khuôn viên; Sửa chữa lan can trước nhà trạm bơm và làm lưới chắn rác				20°53'43.55"N	106°34'1.73"E	93
23	Kênh sau cống Kiều Thượng	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	Sửa chữa mái kè cụm điều tiết	L=40m			20°50'17.84"N	106°35'17.51"E	463
24	Kênh tưới sau trạm bơm An Hoà	Xã An Hoà, huyện An Dương	Sửa chữa đập điều tiết trên kênh				20°54'13.48"N	106°33'48.63"E	463

TT	Tên công trình	Địa điểm	Nội dung công việc	Khối lượng (m)	Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		Kinh phí dự kiến
					Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	
25	Kênh An Kim Hải nhánh 1	Xã Tân Tiến, huyện An Dương	Dọn cỏ, nạo vét, đắp bờ trái đoạn từ cống ngã ba kênh Tân Hưng Hồng về phía thượng lưu 831m	L = 831m	20°53'6.02"N	106°34'34.56"E	20°52'38.63"N	106°34'46.06"E	476
26	Kênh Tân Hưng Hồng nhánh 1	Xã An Hồng, huyện An Dương	Sửa chữa kè bờ trái kênh đoạn từ cầu Gõ về cống Song Mai giáp đoạn kè năm 2023	L = 40m	20°53'57.15"N	106°36'22.93"E	20°53'56.79"N	106°36'24.25"E	463
27	Kênh Tân Hưng Hồng nhánh 2	Xã An Hưng, huyện An Dương	Sửa chữa mái kè bờ trái đoạn từ cầu vào KCN Nomura đến TB trực đứng An Hưng	L=40m	20°54'37.82"N	106°35'27.50"E	20°54'37.69"N	106°35'26.14"E	463
28	Kênh Hòa Phong	Xã An Hoà, huyện An Dương	Sửa chữa kè bờ kênh đoạn từ đập Ngộ đến nhà ông Thuyên	L = 40m	20°52'53.61"N	106°32'50.36"E	20°52'52.55"N	106°32'49.57"E	463
29	Cống Cái Tắt	Phường Sở Dầu; quận Hồng Bàng	Sản xuất, lắp dựng hàng rào bảo vệ khuôn viên cống Cái Tắt phía hạ lưu				20°51'36.03"N	106°39'4.52"E	185
30	Kênh tưới sau trạm bơm Nhu Kiều	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	Sửa chữa cụm điều tiết 3 cửa				20°50'39.80"N	106°35'7.73"E	278
31	Kênh tưới sau trạm bơm Đào Yêu	Xã Hồng Thái, huyện An Dương	Sửa chữa kênh xây cấp I, thay thế lưới B40 chắn rác bể hút TB Đào Yêu	L = 250m	20°49'27.35"N	106°36'40.45"E	20°49'24.57"N	106°36'48.58"E	463
32	Kênh hút trạm bơm Thuần Tỵ	Xã An Hồng, huyện An Dương	Sửa chữa đường bê tông, cắm cọc tiêu trên bờ kênh	L = 120m	20°54'31.18"N	106°36'5.27"E	20°54'27.79"N	106°36'7.27"E	194

TT	Tên công trình	Địa điểm	Nội dung công việc	Khối lượng (m)	Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		Kinh phí dự kiến
					Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	
33	Kênh sau cống Văn Xá	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	Nạo vét, đắp bờ đoạn từ cụm điều tiết gần đình làng Kiều Hạ đến giáp kênh cấp I sau TB Hồng Tuấn	L = 480m	20°49'34.38"N	106°36'6.03"E	20°49'26.19"N	106°36'20.14"E	257
34	Kênh sau cống Văn Xá	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	Dọn cỏ, vớt bèo, nạo vét, đắp bờ kênh sau cống Văn Xá đoạn từ trạm biển áp Văn Xá đến bờ kênh sau cống Kiều Thượng	L = 760m	20°49'56.31"N	106°35'30.43"E	20°50'17.43"N	106°35'17.75"E	476
35	Cống Bãi Mắm	Xã Đại Bản, huyện An Dương	Sửa chữa nhà quản lý, làm khuôn viên cống Bãi Mắm				20°55'47.71"N	106°34'44.10"E	185
36	Kênh tưới sau trạm bơm Đồng Thanh	Xã An Hưng, huyện An Dương	Nạo vét kênh tưới sau TB Đồng Thanh	L=1124m	20°54'37.25"N	106°35'22.30"E	20°54'26.41"N	106°34'58.18"E	238
37	Cống Cái Tắt	Phường Sở Dầu; quận Hồng Bàng	Sửa chữa kè thượng và hạ lưu cống				20°51'37.65"N	106°39'0.08"E	2.000
38	Kênh tưới trạm bơm Đoàn Kết	Xã Hồng Thái, huyện An Dương	Sửa chữa kênh cấp I (đoạn từ ngã ba kênh đến đường liên thôn Kiều Đông - Xích Thổ)	L=200m	20°49'56.58"N	106°37'38.54"E	20°49'49.97"N	106°37'40.05"E	463
39	Kênh tưới sau trạm bơm Xuyên Đông	Xã Đại Bản, huyện An Dương	Sửa chữa kênh cấp I sau trạm bơm nhánh về Đồng An Hưng	L = 150m	20°55'2.01"N	106°34'57.06"E	20°54'57.33"N	106°34'57.10"E	463
40	Kênh tưới sau trạm bơm Kim Sơn	Xã Lê Thiện, huyện An Dương	Sửa chữa tuyến kênh cấp I và làm cống vào trạm bơm Kim Sơn	L = 280m	20°56'16.63"N	106°32'41.42"E	20°56'8.84"N	106°32'39.32"E	463

TT	Tên công trình	Địa điểm	Nội dung công việc	Khối lượng (m)	Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		Kinh phí dự kiến
					Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	
41	Kênh Tân Hưng Hồng nhánh 1	Xã Tân Tiến, huyện An Dương	Sửa chữa kè bờ trái đoạn giáp cống đầu kênh Tân Hưng Hồng	L=40m	20°52'41.61"N	106°34'46.14"E	20°52'42.82"N	106°34'45.65"E	463
42	Kênh An Kim Hải nhánh 1	Xã Tân Tiến, huyện An Dương	Sửa chữa cống ống buy D1000 trên bờ trái cách hạ lưu NM nước thải Tân Tiến 710m				20°52'56.06"N	106°34'36.93"E	278
43	Kênh tưới sau trạm bơm Phụng Dương	Xã Hồng Phong, huyện An Dương	Sửa chữa kênh cấp I sau trạm bơm (đoạn giáp bề xã)	L = 150m	20°52'18.17"N	106°34'44.24"E	20°52'20.02"N	106°34'38.66"E	185
44	Kênh tưới sau trạm bơm Đại Bản	Xã Đại Bản, huyện An Dương	Sửa chữa kênh cấp I trạm bơm đoạn giáp kênh bê tông năm 2023	L = 200m	20°55'25.73"N	106°34'36.23"E	20°55'29.13"N	106°34'42.14"E	833
45	Kênh hút trạm bơm Sập Đá	Xã Đại Bản, huyện An Dương	Sửa lại tường bề xã bị nứt, xử lý nứt mái kè kênh hút		20°55'45.82"N	106°34'21.02"E	20°55'45.82"N	106°34'22.24"E	139
46	Kênh Bắc Nam Hùng	Xã Nam Sơn, huyện An Dương	Nạo vét, đắp bờ kênh sau khu chung cư Đồng Chuối (đoạn cách cầu về hạ lưu 50m và về phía thượng lưu 200m), đoạn nghĩa trang Mỹ Tranh (cách cầu qua đường nhựa về phía hạ lưu 50m và về phía thượng lưu đến Công ty Vinh Phú)	L=950m	20°52'37.19"N	106°37'54.58"E	20°52'47.14"N	106°36'54.77"E	476
47	Cống Đào Yêu (Hoà Bình)	Xã Hồng Thái, huyện An Dương	Sửa chữa cánh cống, dàn van				20°49'6.78"N	106°37'23.45"E	185

TT	Tên công trình	Địa điểm	Nội dung công việc	Khối lượng (m)	Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		Kinh phí dự kiến
					Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	
48	Cổng Trạm Bạc	Xã Lê Lợi, huyện An Dương	Sửa chữa mái kè	L=30m			20°51'3.27"N	106°34'23.01"E	93
49	Cổng Song Mai	Xã An Hồng, huyện An Dương	Sửa chữa nhà quản lý				20°53'44.09"N	106°36'55.76"E	324
50	Cổng Kim Sơn	Xã Lê Thiện, huyện An Dương	Sửa mái phía trước nhà quản lý	LxB=12,0x5,0			20°56'42.67"N	106°32'41.86"E	93
51	Kênh sau cổng Đàm Quan	Xã Hồng Thái, huyện An Dương	Nạo vét, đắp bờ đoạn sau cổng ngầm dưới đường đến ngã ba kênh	L=465m	20°49'27.50"N	106°36'40.52"E	20°49'40.18"N	106°36'46.54"E	381
52	Cổng Văn Xá 2	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	Sửa chữa khuôn viên, công trình phụ nhà quản lý cổng Văn Xá 2				20°49'40.25"N	106°35'14.66"E	278
53	Cổng Bãi Mắm	Xã Đại Bản, huyện An Dương	Sửa lối đi từ cổng Bãi Mắm vào TB Duyên Hải		20°55'47.36"N	106°34'43.73"E	20°55'41.60"N	106°34'44.90"E	231
54	Cổng Cái Tắt	Phường Sở Dầu; quận Hồng Bàng	Sửa chữa hệ thống tời, cánh cổng (Cánh cổng số 3)				20°51'36.26"N	106°39'2.50"E	926
55	Kênh An Kim Hải nhánh 2	Xã Lê Lợi, huyện An Dương	Sửa chữa mái kè bờ trái hạ lưu cổng thôn 5 Lê Lợi	L=40m	20°51'43.30"N	106°35'7.24"E	20°51'43.30"N	106°35'5.86"E	463
56	Kênh sau cổng Văn Xá	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	Sửa chữa cổng điều tiết trên bờ kênh sau cổng (xứ đồng Nhu Kiều)				20°50'24.34"N	106°35'14.87"E	370
57	Kênh sau cổng Kiều Thượng	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	Sửa chữa mái kè bờ kênh sau cổng đoạn giáp kè năm 2023	L =40m	20°50'15.47"N	106°35'14.89"E	20°50'17.15"N	106°35'16.98"E	463

TT	Tên công trình	Địa điểm	Nội dung công việc	Khối lượng (m)	Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		Kinh phí dự kiến
					Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	
58	Kênh Tân Hưng Hồng nhánh 1	Xã An Hưng, huyện An Dương	Sửa chữa kè kênh đoạn từ cống hút TB Tiên Phong về cống Song Mai	L = 40m	20°53'53.03"N	106°36'35.40"E	20°53'52.66"N	106°36'36.72"E	463
59	Kênh Hòa Phong	Xã An Hoà, huyện An Dương	Sửa chữa kè bờ kênh đoạn từ nhà ông Phấn đến nhà bà Phương về phía Hải Dương	L = 40m	20°52'55.05"N	106°32'50.23"E	20°52'55.14"N	106°32'47.44"E	463
60	Kênh tưới sau trạm bơm An Hoà	Xã An Hoà, huyện An Dương	Tôn cao bờ kênh xây đoạn từ đập điều tiết ra nhánh về Cống Vũ. Xử lý rò rỉ xả vị trí tiếp giáp ống xả	L=100m	20°54'20.19"N	106°33'29.91"E	20°54'17.64"N	106°33'27.79"E	93
61	Đập Lương Quy	Xã Lê Lợi, huyện An Dương	Sửa chữa đập Lương Quy				20°51'34.00"N	106°35'24.63"E	2.778
62	Kênh An Kim Hải nhánh 1	Xã Tân Tiến, huyện An Dương	Sửa đường vào bờ kênh An Kim Hải đoạn từ đường bê tông đến bờ kênh (giáp TB xử lý nước thải sinh hoạt xã Tân Tiến)	L = 100m	20°53'19.03"N	106°34'34.36"E	20°53'18.36"N	106°34'30.99"E	278
63	Kênh Tân Hưng Hồng nhánh 2	Xã An Hưng, huyện An Dương	Sửa chữa cống tại ngã 3 kênh đầu nhánh rẽ về phía tây KCN Nomura				20°54'37.19"N	106°35'22.33"E	463
64	Công trình cấp bách đột xuất, sửa chữa nhỏ								5.600
III	Nâng cấp, cải tạo (nguồn khấu hao TSCĐ, nguồn kết dư bổ sung vốn điều lệ)								5.650
1	Đập Cũ	Xã Lê Thiện, huyện An Dương	Gia cố kè mái Đập Cũ	L=200m	20°55'42.59"N	106°32'41.96"E	20°55'40.72"N	106°32'40.22"E	2.000

TT	Tên công trình	Địa điểm	Nội dung công việc	Khối lượng (m)	Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		Kinh phí dự kiến
					Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	Vĩ độ Bắc (N)	Kinh độ đông (E)	
2	Kênh Kim Xá	Xã Lê Thiện, huyện An Dương	Gia cố bờ kênh làm lối đi ra Đập Cũ	L = 100m	20°55'42.71"N	106°32'42.45"E	20°55'40.75"N	106°32'40.20"E	800
3	Kênh sau cống Kiều Thượng	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	Nâng cấp Cống Vòm 2 (KT.QK2)				20°50'27.67"N	106°35'29.42"E	1.100
4	Văn phòng Công ty	Phường Sở Dầu; quận Hồng Bàng	Lắp đặt hệ thống lọc nước sạch tại văn phòng Công ty				20°51'37.65"N	106°39'0.08"E	250
5	Trạm bơm An Hưng; trạm bơm dã chiến trên bờ kênh Tân Hưng Hồng nhánh 2	Xã An Hưng, huyện An Dương	Lắp đặt 03 trạm bơm điện dã chiến (sử dụng máy bơm ly tâm, tổng lưu lượng là 4.000m ³ /h)						500
6	Cống, đập	Xã: Lê Thiện; Tân Tiến; An Hưng, huyện An Dương	Lắp tời điện và đường điện vào các cống, đập: Đập cũ mới, đập Ngà, đập Tân Tiến, cống Đồng Cống				20°55'40.47"N 20°53'35.35"N 20°53'0.40"N 20°55'24.44"N	106°32'40.35"E 106°35'58.51"E 106°34'55.73"E 106°35'53.99"E	1.000
Tổng cộng									46.700